**MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN BIẾT ĐỂ VAY VỐN**

**TẠI QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH QUẢNG TRỊ**

1. **Giới thiệu chung**

Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Trị do UBND tỉnh thành lập năm 2009 và được giao cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh Quảng Trị quản lý và điều hành.

Văn phòng Quỹ HTX nằm trong trụ sở của Liên minh HTX tỉnh, tại: Số 256 đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Hoạt động chính của Quỹ:

+ Cho vay trực tiếp đối với khách hàng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

+ Nhận ủy thác cho vay (Từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam hoặc các tổ chức tài chính, tín dụng khác) .

+ Huy động, tiếp nhận các nguồn tài chính trong và ngoài nước để thực hiện cho vay theo quy định.

+ Thực hiện các hoạt đông dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính và thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc hoạt động: Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn và tự bù đắp được các khoản chi phí.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ do ngân sách tỉnh cấp và tích lũy được từ thu lãi/phí từ các đơn vị vay vốn. Đến nay đạt gần 20 tỷ đồng.

1. **Đối tượng cho vay hỗ trợ**
* Hợp tác xã, Liên hiệp HTX (Khách hàng pháp nhân)
* Thành viên HTX, Tổ hợp tác (Khách hàng cá nhân, hộ gia đình)

*(Trừ Thành viên là doanh nghiệp)*

1. **Mục đích vay**
* Vay vốn lưu động để bổ sung vốn ngắn hạn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, Liên hiệp HTX.
* Vay vốn đầu tư tài sản cố định để sản xuất kinh doanh.
1. **Điều kiện được vay vốn**
* Khách hàng thuộc đối tượng quy định (như trên);
* Pháp nhân là các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. Đã xác lập tư cách Thành viên vay đối với Quỹ; và đã xác lập tư cách thành viên đối với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Quảng Trị.
* Cá nhân là thành viên của các hợp tác xã, tổ hợp tác phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; Đối với thành viên vay là thành viên HTX thì thời gian gia nhập vào HTX tối thiểu là 6 tháng đối với các HTX đã thành lập trên 01 năm.
* Đã thực hiện quy định về kết nạp làm thành viên của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh theo yêu cầu.
* Có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay;
* Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định *(Có tài sản thế chấp);*
* Có vốn chủ sở hữu *(vốn đối ứng tự có)* tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh;
* Tại thời điểm giải ngân lần đầu, khách hàng không có nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng.
1. **Mức vốn cho vay**

a) Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định, Quỹ sẽ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

b) Giới hạn cho vay:

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng *(tính tổng* ***dư nợ*** *của khách hàng trên tất cả các dự án đang còn tại Quỹ)* không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay (khoảng gần 3 tỷ);

- Tổng **mức cho vay** đối với một khách hàng và ***người có liên quan*** không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay (khoảng gần 5 tỷ).

(*“Người có liên quan”* thuộc một trong các trường hợp sau đây: Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và ngược lại; Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại; Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.)

1. **Thời hạn cho vay**

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ, Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay, tối đa không quá **07 (bảy) năm**.

* Đối với vay vốn lưu động: Thời hạn vay tối đa là 12 tháng (Lãi trả theo định kỳ, ngày cuối cùng các quý trong năm: 31/3; 30/6; 30/9; 31/12; gốc giảm thì lãi giảm, tối đa thanh toán nợ gốc theo thời hạn vay).
* Đối với vay vốn đầu tư (trung hạn, dài hạn): Thời hạn vay từ trên 01 năm đến tối đa theo quy định của Quỹ là 07 năm. Gốc chia đều theo số kỳ trả nợ/Lãi giảm dần theo gốc.
1. **Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay của Quỹ do Chủ tịch Quỹ ban hành trong từng thời kỳ, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Trị theo từng giai đoạn cụ thể.

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và **cố định** trong suốt thời gian vay.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

|  |
| --- |
| Mức lãi suất đang áp dụng hiện nay:* Lãi suất vay vốn ngắn hạn: 4,8%/năm
* Lãi suất vay vốn đầu tư trung hạn (trên 1 năm đến 5 năm): 5,2%/năm
 |

1. **Bảo đảm tiền vay:** Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ và khách hàng thỏa thuận theo Quy chế cho vay và bảo đảm tiền vay của Quỹ:
	1. ***Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản:***

a) Đối tượng, phạm vi cho vay không có bảo đảm bằng tài sản: Quỹ chỉ xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với các khoản vay ngắn hạn của HTX, liên hiệp HTX dưới 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng);*

b) Nguyên tắc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản:

 - Quỹ có quyền lựa chọn, quyết định cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với từng khách hàng cụ thể, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách hàng, đảm bảo khả năng thu hồi vốn;

- Khách hàng được Quỹ cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, nếu trong quá trình cho vay, sử dụng vốn vay, Quỹ phát hiện khách hàng vay vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Quỹ có quyền dừng giải ngân và áp dụng các biện pháp bảo đảm bằng tài sản hoặc thu hồi nợ trước hạn;

c) Điều kiện cho vay không có bảo đảm bằng tài sản:

- Ngoài việc đáp ứng các điều kiện cho vay theo quy định, Quỹ chỉ xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản khi khách hàng đáp ứng được các điều kiện sau:

+ Có tín nhiệm với Quỹ HTX tỉnh trong việc sử dụng vốn vay và trả nợ đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi;

+ Hợp tác xã, liên hiệp HTX phải có báo cáo tài chính 02 (hai) năm gần nhất có kết quả kinh doanh của cả 02 (hai) năm đều có lãi, và tại thời điểm vay vốn không có lỗ lũy kế;

+ Phương án sản xuất kinh doanh xác định được cụ thể đầu vào, đầu ra; khách hàng chấp thuận phương án quản lý dòng tiền từ phương án sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của Quỹ, đảm bảo khả năng thu hồi vốn cho Quỹ;

+ Tại thời điểm đề xuất vay vốn và tại từng lần nhận nợ khách hàng không có nợ nhóm 2 *(đã từng có quá hạn từ 10 ngày đến 29 ngày)*, nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng;

+ Tại thời điểm đề xuất vay vốn khách hàng có tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ≤100%.

+ Ngoài ra, BCTC của HTX phải được Kiểm toán (Nếu Quỹ HTX yêu cầu)

* 1. ***Cho vay có bảo đảm bằng tài sản:***

Quỹ áp dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản đối với các khoản cho vay khách hàng là cá nhân (thành viên THT, HTX), khách hàng là pháp nhân không thuộc mục 8.1 nếu trên, trong đó có áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản hình thành từ phương án, dự án đầu tư xin vay vốn và/hoặc bằng tài sản của bên thứ 3 thực hiện nghĩa vụ cho bên vay vốn được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng ký kết với Quỹ;+

*Điều kiện nhận TSĐB:*

* TSĐB thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý, quyền sử dụng của bên đảm bảo, có giấy tờ sở hữu hợp pháp;
* Có khả năng chuyển nhượng, được phép giao dịch, không bị cấm dùng TSĐB, không có tranh chấp, không có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án, đã thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính có liên quan;
* Còn thời hạn sử dụng theo quy định;
* Phải mua bảo hiểm (Đối với các loại tài sản bắt buộc mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm phương tiện cơ giới…) và chuyển quyền thụ hưởng cho Quỹ

*Tài sản đảm bảo không được nhận:*

* Bất động sản:

 + Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước

 + Quyền SD đất thuê trả tiền hàng năm

 + BĐS thuộc quy hoạch, giải tỏa

 + Đất quốc phòng, an ninh, tôn giáo

 + Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

1. **Hồ sơ vay vốn**

Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi hồ sơ về Quỹ, các tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định của Quỹ. Hồ sơ vay vốn tùy theo từng phương thức cho vay và thời hạn cho vay, cụ thể:

1. *Đối với vay vốn ngắn hạn:*

- Cá nhân là thành viên HTX, thành viên của THT cung cấp hồ sơ theo danh mục hồ sơ vay vốn ngắn hạn đối với cá nhân (Phụ lục 1);

- Khách hàng là pháp nhân cung cấp hồ sơ theo danh mục hồ sơ vay vốn ngắn hạn đối với pháp nhân (Phụ lục 2);

*b) Đối với vay vốn trung và dài hạn:*

- Cá nhân là thành viên HTX, thành viên của THT cung cấp hồ sơ theo danh mục hồ sơ vay vốn trung và dài hạn áp dụng đối với cá nhân (Phụ lục 3).

- Khách hàng là pháp nhân cung cấp hồ sơ theo danh mục hồ sơ vay vốn trung và dài hạn đối với pháp nhân (Phụ lục 4)

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC HỒ SƠ VAY VỐN**

*(Áp dụng đối với Cá nhân vay vốn ngắn hạn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hồ sơ vay vốn** | **Loại hồ sơ** |
| **I** | **Đối với thành viên hợp tác xã (HTX)** |
| 1 | Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân (CMND/CCCD) | Bản sao |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký HTX; Công văn của HTX về việc đề nghị cho thành viên vay vốn | Bản sao |
| 3 | Giấy phép/chứng nhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản chứng thực |
| 4 | Giấy chứng nhận góp vốn của thành viên do HTX cấp | Bản chứng thực |
| 5 | Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có xác nhận của HTX hoặc UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện phương án sử dụng vốn tại địa phương;Tài liệu chứng minh về năng lực tài chính, nguồn trả nợ khác (Nếu có) | Bản gốc |
| 6 | Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn: Hợp đồng mua, bán hàng hóa, Biên bản giao nhận, đề nghị thanh toán, chứng từ thanh toán… | Bản chứng thực |
| 7 | Hợp đồng liên kết, đầu ra, đầu vào…(Nếu có) | Bản sao |
| 8 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |
| 9 | Giấy tờ pháp lý của chủ tài sản (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| **II** | **Đối với thành viên tổ hợp tác (THT)** |
| 1 | Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân (CMND/CCCD) | Bản sao |
| 2 | Hợp đồng hợp tác, danh sách thành viên Tổ hợp tác. | Bản gốc |
| 3 | Giấy phép/chứng nhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản sao |
| 4 | Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện phương án sử dụng vốn tại địa phương;Tài liệu chứng minh về năng lực tài chính, nguồn trả nợ khác (Nếu có) | Bản gốc |
| 5 | Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn: Hợp đồng mua, bán hàng hóa, Biên bản giao nhận, đề nghị thanh toán, chứng từ thanh toán… | Bản chứng thực |
| 6  | Hợp đồng liên kết, đầu ra, đầu vào…(Nếu có) | Bản sao |
| 7 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC HỒ SƠ VAY VỐN**

*(Áp dụng đối với Pháp nhân vay vốn ngắn hạn )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hồ sơ vay vốn** | **Loại hồ sơ** |
| 1. **Hồ sơ pháp lý HTX**
 |
| 1 | Giấy chứng nhận đăng ký HTX, đăng ký mã số thuế | Bản sao |
| 2 | Nghị quyết Đại hội thành viên gần nhất; Điều lệ tổ chức hoạt động; Danh sách HĐQT, danh sách thành viên góp vốn; Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng | Bản sao |
| 3 | Biên bản họp HĐQT về việc vay vốn, Quyết định của Chủ tịch HĐQT HTX về việc vay vốn tại Quỹ  | Bản gốc |
| 4 | Giấy phép/chứngnhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản chứng thực |
| 5 | Chứng minh thư nhân dân/CCCD người đại diện theo pháp luật của HTX | Bản sao |
| 1. **Hồ sơ tài chính**
 |
| 1 | Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất tính đến thời điểm vay vốn.  | Bản sao |
| 2 | Tài liệu chứng minh có năng lực tài chính để trả nợ. (Đối với HTX, LHHTX có hoạt động sản xuất kinh doanh dưới một năm) |  |
| 1. **Hồ sơ vay vốn**
 |
| 1 | Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ | Bản gốc |
| 2 | Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn: Hợp đồng mua, bán hàng hóa, Biên bản giao nhận, đề nghị thanh toán, chứng từ thanh toán… | Bản sao |
| 3 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |
| 4 | Giấy tờ pháp lý của chủ tài sản (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 5 | Hồ sơ, tài liệu khác *(nếu có)* | Bản gốc/ Bản chứng thực |

**Phụ lục 3**

**DANH MỤC HỒ SƠ VAY VỐN**

*(Áp dụng đối với Cá nhân vay vốn trung và dài hạn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hồ sơ vay vốn** | **Loại hồ sơ** |
| **I** | **Đối với thành viên hợp tác xã (HTX)**   |
| 1 |  Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký HTX | Bản chứng thực |
| 3 | Công văn của HTX về việc đề nghị cho thành viên vay vốn | Bản gốc |
| 4 | Giấy phép/chứngnhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản chứng thực |
| 5 | Giấy chứng nhận góp vốn của thành viên do HTX cấp | Bản chứng thực |
| 6 | Đơn đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh tại địa phương | Bản gốc |
| 7 | Dự án vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh tại địa phư ơng | Bản gốc |
| 8 | Hợp đồng mua bán hàng hóa, máy móc thiết bị (nếu có) | Bản chứng thực |
| 9 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |
| 10 | Giấy tờ pháp lý của chủ tài sản (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 11 | Hồ sơ, tài liệu khác *(nếu có)* | Bản gốc/ Bản chứng thực |
| **II** | **Đối với thành viên tổ hợp tác (THT)** |
| 1 | Căn cước công dân (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 2 | Hợp đồng hợp tác, danh sách thành viên Tổ hợp tác. | Bản gốc |
| 3 | Giấy phép/chứngnhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản chứng thực |
| 4 | Đơn đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh tại địa phương | Bản gốc |
| 5 | Dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh | Bản gốc |
| 6 | Hợp đồng mua bán hàng hóa, máy móc thiết bị (nếu có) | Bản chứng thực |
| 7 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |
| 8 | Giấy tờ pháp lý của chủ tài sản (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 9 | Hồ sơ, tài liệu khác *(nếu có)* | Bản gốc/ Bản chứng thực |

**Phụ lục 4**

**DANH MỤC HỒ SƠ VAY VỐN**

*(Áp dụng đối với Pháp nhân vay vốn trung và dài hạn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hồ sơ vay vốn** | **Loại hồ sơ** |
| 1. **Hồ sơ pháp lý**
 |
| 1 | Giấy chứng nhận đăng ký HTX, LHHTX, đăng ký mã số thuế | Bản chứng thực |
| 2 | Nghị quyết Đại hội thành viên gần nhất; Điều lệ tổ chức hoạt động; Danh sách HĐQT, danh sách thành viên góp vốn; Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng | Bản gốc/ Bản chứng thực |
| 3 | Biên bản họp HĐQT về việc vay vốn hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc vay vốn tại Quỹ  | Bản gốc |
| 4 | Giấy phép/chứngnhận/chứng chỉ hành nghề đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có (nếu có) | Bản chứng thực |
| 5 | Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân (CMND/CCCD) người đại diện theo pháp luật của HTX. | Bản chứng thực |
| 1. **Hồ sơ tài chính**
 |
| 1 | Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất tính đến thời điểm vay vốn. Đối với HTX, LHHTX có hoạt động sản xuất kinh doanh dưới một năm thì phải có tài liệu chứng minh có năng lực tài chính để trả nợ (Danh sách vốn góp thành viên, phiếu thu vốn góp…… tài liệu khác chứng minh). | Bản gốc |
| 2 | Báo cáo nhanh tình hình tài chính quý gần nhất tại thời điểm vay vốn. |  |
| 1. **Hồ sơ vay vốn**
 |
| 1 | Đơn đề nghị vay vốn  | Bản gốc |
| 2 | Dự án đầu tư (báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo kinh tế khả thi) được lập và phê duyệt đúng quy định; hoặc phương án sản xuất, kinh doanh có thời hạn vay vốn trên 01 năm có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn về việc thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh địa phương. | Bản gốc |
| 3 | Hợp đồng mua bán hàng hóa, máy móc thiết bị (nếu có); Hợp đồng liên kết đầu ra – đầu vào đã và đang thực hiện (Nếu có) | Bản chứng thực |
| 4 | Tài sản đảm bảo tiền vay *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)* | Bản chứng thực |
| 5 | Giấy tờ pháp lý của chủ tài sản (CMND/CCCD) | Bản chứng thực |
| 6 | Hồ sơ, tài liệu khác *(nếu có)* | Bản gốc/ Bản chứng thực |